

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST

Ngày 14 - 5 - 2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỪNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

• **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lý Thị Hoài

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Tâm và ông Phương Ngọc Báu.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Nông Văn Quỳnh - Thư ký viên Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên toà:** Ông Lương Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 32/2025/TLST-HNGĐ ngày 12/3/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị H, sinh năm 1993; địa chỉ: xóm N, xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lưu Sỹ T, sinh năm 1989; Hộ khẩu thường trú: xóm S, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Đội 9, P, Trại giam T1 - Cục C1, Bộ C2 có địa chỉ tại xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 10/3/2025 và các lời khai tiếp theo tại Tòa, nguyên đơn chị Nông Thị H trình bày: Chị và anh Lưu Sỹ T là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 21/7/2015 tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và được tìm hiểu trước khi kết hôn. Cuộc sống vợ chồng sau khi kết hôn hạnh phúc và có một con chung tên là Lưu Thảo V, sinh ngày 20/8/2015. Đến khoảng đầu năm 2018 thì

vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không tu chí làm ăn, không chăm lo cho gia đình, không quan tâm vợ con và sa vào nghiện ma túy, vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam. Từ khoảng năm 2020 - 2022, anh T đi chấp hành án tù lần đầu tiên và hiện tại là đi chấp hành án phạt tù lần thứ hai. Theo chị được biết thì anh T bị phạt tù về tội phạm ma túy.

Nay chị xác định cả hai không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Lưu Sỹ T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Lưu Thảo V, sinh ngày 20/8/2015 hiện đang ở với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 07/5/2025, chị H giữ nguyên các yêu cầu như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Tại bản tự khai ngày 31/3/2025, bị đơn anh Lưu Sỹ T xác nhận các vấn đề về tình cảm, con cái, tài sản, nợ chung như chị H trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn bắt đầu từ thời điểm anh bị bắt và phải đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam. Đến nay bản thân anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc và không tìm được tiếng nói chung. Nay chị H làm đơn xin ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là cháu Lưu Thảo V, không yêu cầu cấp dưỡng anh hoàn toàn đồng ý. Đồng thời, anh T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án ly hôn với chị Nông Thị H.

Tại phiên tòa:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa thông qua tóm tắt nội dung vụ án và các yêu cầu cần giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo và chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội để giải quyết vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nông Thị H được ly hôn với anh Lưu Sỹ T.

- Về con chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Giao con chung Lưu Thảo V, sinh ngày 20/8/2015 cho chị Nông Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến 18 tuổi. Không đặt vấn đề cấp dưỡng đối với anh Lưu Sỹ T. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con anh T có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Chị Nông Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thẩm quyền*: Bị đơn Lưu Sỹ T có hộ khẩu thường trú và trước khi bị bắt tạm giam thì cư trú tại: Xóm S, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

[2]. *Về tố tụng*: Bị đơn anh Lưu Sỹ T hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam không thể có mặt tại Tòa và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử thì nguyên đơn cũng có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy đã có lời khai trong hồ sơ và việc vắng mặt của đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. *Về quan hệ tranh chấp*: Chị Nông Thị H yêu cầu ly hôn anh Lưu Sỹ T, giành quyền nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng, các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nông Thị H và anh Lưu Sỹ Thủy tổ C lễ cưới theo phong tục địa phương và tiến hành đăng ký kết hôn ngày 21/7/2015 tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Tại thời điểm đăng ký cả anh T, chị H đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện và đủ tuổi kết hôn, cũng như không thuộc một trong các trường hợp cấm theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc đăng ký được thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, việc kết hôn giữa chị H và anh T là hợp pháp và quan hệ vợ chồng được pháp luật công nhận từ ngày đi đăng ký kết hôn.

Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc và có với nhau 01 con chung, tuy nhiên, sau đó đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn; hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung; anh T không tu chí làm ăn, sa vào tệ nạn ma túy. Hiện nay, đang trong thời gian chấp hành án tại Trại giam. Từ đó, hai vợ chồng cũng không còn tình cảm với nhau nữa, chị H ở nhà một mình nuôi con. Mặt khác, tại bản tự khai ngày 31/3/2025,

anh T cũng nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị H cùng nguyện vọng được nuôi con của chị.

Từ những phân tích, nhận định trên đây, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị H và ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ nên cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. *Về con chung*: Giữa chị H và anh T có 01 con chung tên là Lưu Thảo V, sinh ngày 20/8/2015 hiện đang sống cùng chị H. Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay, anh T đang trong thời gian chấp hành án phạt tù trong Trại giam, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc con chung, cháu V cũng đã sống cùng mẹ từ nhỏ. Vì vậy, cần giao cháu V cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh T là có căn cứ.

Vì quyền lợi của con, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu nên không đặt vấn đề cần xem xét giải quyết.

[7]. *Về án phí*: Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị đã nộp đủ.

[8]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nông Thị H được ly hôn anh Lưu Sỹ T.

2. *Về con chung*: Giao cháu Lưu Thảo V, sinh ngày 20/8/2015 cho chị Nông Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có Bản án, quyết định khác của Tòa án thay thế. Không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh T do chị H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu nên không đặt vấn đề cần xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Nông Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị đã nộp đủ theo Biên lai nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002807 ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị H, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Trùng Khánh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Trùng Khánh;
- UBND xã Chí Viễn;
- Lưu HS vụ án; Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thị Hoài

